

Bản án số: **94/2022/HS-PT**.
Ngày: 26/9/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu;

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Dạ Hằng-Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 95/2022/TLPT-HS ngày 26/8/2022 đối với bị cáo Lê Thị M do có kháng cáo của bị cáo M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Thị M; Sinh năm: 1973; Nơi sinh: Huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C và bà Trần Thị B; Có chồng là ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969 và 02 người con, người con lớn sinh năm 1998, người con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/01/2022 đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị M: Ông Nguyễn T-luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ văn phòng: Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị cáo có liên quan đến kháng cáo: Ngô Thị T; Sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phan Thị L; Sinh năm: 1967; Nơi cư trú: Ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Phạm Văn T1; Tên gọi khác: H; Sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Đoàn Tấn TH; Sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Phan Thanh Đ; Sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Điều tra viên*: Bà Lê T-Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 12 giờ ngày 13/12/2021, lực lượng Công an huyện M phối hợp với Công an xã M bắt quả tang Ngô Thị T đang bán số đề cho Phan Thanh Đ tại nhà bà Phan Thị L ở ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Lực lượng Công an thu giữ vật chứng tại hiện trường gồm: 01 phôi ghi số đề; 01 cây viết mực; 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K, màu đen, đã qua sử dụng; tạm giữ số tiền trên người của Ngô Thị T là 5.043.000 đồng. Khi lực lượng Công an kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K của T thì phát hiện vào ngày 12/12/2021, T còn lưu lại các cuộc gọi giao dịch bán số đề cho nhiều người như sau:

- Đối với đài Kiên Giang: Số tiền bán đề là 3.784.500 đồng, đã giao phôi cho Lê Thị M. Số tiền người mua đề trúng thưởng là 4.200.000 đồng, M đã giao tiền cho T để trả cho người mua đề trúng thưởng. Tổng số tiền, M và T dùng vào việc đánh bạc đài Kiên Giang là 7.984.500 đồng.

- Đối với đài Đà Lạt: Số tiền bán đề là 1.542.500 đồng, đã giao phôi cho M. Số tiền người mua đề trúng thưởng là 1.050.000 đồng, M đã giao tiền cho T để trả cho người mua đề trúng thưởng. Tổng số tiền M và T dùng vào việc đánh bạc đài Đà Lạt là 2.592.500 đồng.

Trong quá trình điều tra, Ngô Thị T khai nhận vào ngày 12/12/2021, T bán số đề cho nhiều người nhưng chỉ nhớ được một số người gồm:

- Phan Văn T1 mua đài Kiên Giang số tiền 280.000 đồng; T1 trúng thưởng được 1.400.000 đồng.

- Đoàn Tuấn TH mua đài Kiên Giang số tiền 260.000 đồng và đài Đà Lạt số tiền 26.000 đồng, không trúng thưởng.

- Bành Trung N mua đài Kiên Giang số tiền 130.000 đồng và đài Đà Lạt số tiền 130.000 đồng

Trong ngày 13/12/2021, T mới bán số đề được 80.000 đồng cho Phan Thanh Đ thì bị Công an bắt quả tang.

Đối với Lê Thị M khai nhận, do bị bề hội nên M đã nảy sinh ý định làm chủ lô đề, tự thắng thua với người mua nhưng không trực tiếp bán, mà thỏa thuận với T bán cho người mua đề, việc tổ chức làm chủ lô đề bắt đầu từ ngày 12/12/2021 đến ngày 13/12/2021 thì bị Công an bắt.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Thị M 04 (Bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Ngô Thị T 04 (Bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 01 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đồng thời, án sơ thẩm còn giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, trách nhiệm của người được hưởng án treo trong thời gian thử thách và quy định về việc bị cáo thay đổi nơi cư trú khi chấp hành án treo.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 01/8/2022, bị cáo Lê Thị M kháng cáo xin hưởng án treo. Đến ngày 30/8/2022, bị cáo M thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tuyên bị cáo không phạm tội. Đến ngày 20/9/2022, bị cáo M thay đổi nội dung kháng cáo, xin giảm hình phạt theo hướng được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính hoặc xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Thị M giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin giảm hình phạt theo hướng được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính hoặc được hưởng án treo.

- Người bào chữa trình bày: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cũng như việc xác định bị cáo M có nhân thân tốt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo M. Xét đơn kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo M là có căn cứ vì tại phiên tòa phúc

thâm, bị cáo T xác định bị cáo M và bị cáo T cùng nhau hùn đánh bạc với người mua số đề, giữa hai bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người rủ rê, còn bị cáo M không phải là thâu đề. Do đó, bản án sơ thẩm xác định bị cáo M là người chủ mưu, cầm đầu là không có cơ sở. Vì vậy, bị cáo M đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, cho bị cáo hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo M phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có nhân thân tốt theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo M mức án 04 tháng tù là phù hợp. Xét kháng cáo của bị cáo M xin giảm hình phạt theo hướng được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính hoặc xin được hưởng án treo là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và điều tra viên vắng mặt không lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét sự vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thị M lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 01/8/2022 và các đơn thay đổi kháng cáo vào ngày 20/8/2022 và ngày 20/9/2022 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo, việc thay đổi kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332, 333 và 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo về việc xin giảm hình phạt theo hướng được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính hoặc xin được hưởng án treo của bị cáo M theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị M như sau: Xét lời khai nhận của các bị cáo Lê Thị M và Ngô Thị T trong giai đoạn điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, nên có cơ sở xác định: Bị cáo M là người đứng ra tổ chức làm thầu số đề để thắng thua với người mua số đề nhưng không trực tiếp bán, mà thỏa thuận giao cho bị cáo T trực tiếp đi bán số đề cho người mua để hưởng hoa hồng. Trong ngày 12/12/2021, bị cáo T đã bán số đề cho nhiều người nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu người và giao phoi đề qua điện thoại cho bị cáo M với tổng số tiền bán số đề của đài Kiên Giang là 3.784.500 đồng và đài Đà Lạt là 1.542.500 đồng. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết, những người mua số đề đã trúng thưởng đài Kiên Giang số tiền là 4.200.000 đồng và đài Đà Lạt số tiền là 1.050.000 đồng. Bị cáo M đã giao tiền cho bị cáo T trả thưởng cho những người trúng thưởng xong. Tổng số tiền các bị cáo M và Thu dùng để đánh bạc bằng hình thức bán số đề đài Kiên Giang là 7.984.500 đồng và đài Đà Lạt là 2.592.500 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Lê Thị M và Ngô Thị T phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Xét đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M và bị cáo T cho rằng bị cáo M không phải người chủ mưu, không phải là thầu số đề mà bị cáo M chỉ cùng với bị cáo T hùn bán số đề, ăn thua với người khác là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận. Bởi vì, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều xác định quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm thì các lời khai của các bị cáo đều là tự nguyện khai nhận, các bị cáo đều đã khai nhận bị cáo M là người làm thầu số đề, còn bị cáo T là người trực tiếp đi bán số đề cho người mua và giao phoi đề lại cho bị cáo M để hưởng hoa hồng, lời khai này của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng, các file ghi âm do bị cáo T thực hiện và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị M, về việc xin giảm hình phạt theo hướng được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính: Xét khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo có nhân thân tốt. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo M các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1

Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt và xử phạt bị cáo M mức án 04 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Xét đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M cho rằng bị cáo tự thú sau khi phạm tội là không có cơ sở vì bị cáo chỉ khai nhận hành vi phạm tội sau khi Cơ quan điều tra đã làm rõ được nội dung vụ án thông qua lời khai nhận của bị cáo T và các tài liệu, chứng cứ khác, đây chỉ là việc bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội và đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt theo hướng được áp dụng hình phạt tiền nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ bị cáo được áp dụng mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận giảm hình phạt theo hướng áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị M, về việc xin được hưởng án treo: Xét mặc dù bị cáo M bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo M là đầu sỏ đề, giữ vai chính trong vụ án nên cần phải xử lý nghiêm đối với người phạm tội, mới có đủ tác dụng trừng trị người phạm tội và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Do đó, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm không cho bị cáo M hưởng án treo là phù hợp với quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, về việc xin giảm hình phạt theo hướng được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính hoặc xin được hưởng án treo và Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo M của bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021);

điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Thị M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị M, về việc xin giảm hình phạt theo hướng được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính hoặc xin được hưởng án treo.

Giữ nguyên quyết định về hình phạt đối với bị cáo Lê Thị M của Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thị M.

Xử phạt bị cáo Lê Thị M 04 (Bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bị cáo Lê Thị M chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện M (02);
- VKSND huyện M (01);
- CQĐT-Công an huyện M (01);
- CQTHAHS-Công an huyện M (01);
- Chi cục THADS huyện M (01);
- Bị cáo (01);
- Người bào chữa (01);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Lê Thanh Vũ